

CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ TUỔI

PHẠM KHUÊ

Ai cũng biết chân lý thông thường là có sinh thì có tử, đã trẻ thì rồi cũng sẽ già nếu không có sự cố gì đến cắt ngang cuộc sống. Mặt khác, cũng dễ nhận thấy là khi đã già cơ thể không còn giống như lúc còn trẻ; đi đôi với tuổi tác là sự suy yếu tự nhiên của cơ thể và sự hạn chế của mọi hoạt động, sự thu hẹp của mọi giao tiếp, sự thờ ơ của xã hội... Nghĩ đến tình cảnh đó, nhiều người không khỏi có những tâm tư suy nghĩ nhất là trong thời đại sinh học phát triển ngày nay hầu như ai cũng có thể đạt được tuổi thọ cao.

Thật vậy, chúng ta đang đứng trước một hiện tượng rất mới mẻ, từ trước tới nay chưa từng có trong lịch sử loài người, đó là sự tăng vọt của tuổi thọ trung bình và theo với nó là sự bùng nổ của dân số người có tuổi. Vào thời đại đồ sắt, tuổi thọ trung bình mới là 18; vào thời đại đồ đồng là 20; 2000 năm trước công nguyên là 22; ở thế kỷ thứ XVIII là 35; ở thế kỷ thứ XIX là 40 và ở thế kỷ XX là 73-78 (Brushke). Song song với tuổi thọ trung bình tăng, số lượng người có tuổi cũng ngày càng nhiều. Năm 1950 số người từ 60 tuổi trở lên, trên toàn thế giới mới là 200 triệu, đến năm 1975 đã là 350 triệu và ước tính đến năm 2000, với tốc độ phát triển như hiện nay sẽ là 590 triệu, đến năm 2025 là 1.120 triệu, tăng 224% trong vòng 50 năm (từ 1975 - 2025). Tỷ lệ người có tuổi so với dân số chung cũng sẽ vì thế mà tăng theo: ở các nước phát triển tỷ lệ đó là 15% năm 1975, 18% năm 2000 và 23% năm 2025.

Đứng trước hiện tượng đó, có hai cách nhìn khác nhau. Người thì cho đó là điều đáng mừng vì chứng tỏ khoa học tiến bộ rất nhanh làm cho con người bước đầu đạt được mong muốn là sống lâu, khỏe mạnh và hạnh phúc. Người khác thì lại tỏ ra lo lắng bi quan cho người già là gánh nặng của xã hội, là lực lượng không sản xuất, một cản trở cho xã hội tiến lên và sự xung đột giữa các thế hệ - cụ thể là giữa trẻ và già - là điều khó tránh.

Sự thực thì sự gia tăng dân số người có tuổi là một thực tế rất mới mẻ và đã đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cần phải giải quyết một cách thỏa đáng cả về phương diện chính trị lẫn kinh tế, y tế lẫn xã hội. Nghiên cứu các dữ kiện về dân số học chúng ta thấy ngay là tuổi càng cao thì tỷ lệ nữ càng nhiều: ở các nước phát triển người ta đã tính cứ 100 nữ thì chỉ có 74 nam (ở lứa tuổi 60 - 69), 62 nam (ở lứa tuổi 70 - 79), 48 nam (ở lứa tuổi 80 trở lên). Nói một cách đơn giản thì ở lứa tuổi 80, số nữ nhiều gấp đôi số nam. Đời sống của nữ thường gặp khó khăn, nhất là những người già góa bụa, tình trạng người có tuổi nữ nhiều hơn nam lại càng làm khó khăn đó tăng lên gấp bội.

Một khía cạnh khác về dân số học cũng đáng chú ý đó là hiện tượng trong số những người có tuổi ở trên toàn thế giới thì đa số lại tập trung ở các nước đang phát triển. Năm 1950, tỷ lệ người có tuổi sống ở các nước đang phát triển chỉ mới chiếm 50% tổng số người có tuổi trên thế giới; năm 2000 tỷ lệ đó là 61% và đến năm 2025 là 72%. Các nước đang phát triển nói chung có mức sống thấp, nền kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, việc chăm sóc người có tuổi khó lòng chu đáo được. Chỉ nói về y tế, chi phí cho người có tuổi tốn gấp đôi người đứng tuổi, gấp 4 thanh niên và gấp 7 trẻ em.

Một dữ kiện nữa cũng cần được quan tâm, đó là xu hướng tập trung dân số người có tuổi ở các thành phố. Điều kiện sinh sống của người có tuổi ở thành thị khó khăn hơn ở nông thôn, xu hướng tập trung dân số ở thành thị không phải là một biểu hiện tốt và cần phải có sự chú

ý uốn nắn cho phù hợp. Trong vòng 25 năm (1975 - 2000) số người có tuổi tập trung ở thành thị đã tăng thêm 104,4% trong lúc ở nông thôn, số tăng chỉ là 41,33%.

Ở các nước phát triển ngay từ 1975 số người có tuổi ở thành phố (109.853.000) đã nhiều hơn hẳn số ở nông thôn (58.925.000). Đến năm 2000 số ở thành phố tăng thêm 59,55% trong lúc số ở nông thôn giảm đi 2,18%. Đến năm 2000 ở các nước phát triển số người có tuổi ở thành thị chiếm 75% dân số có tuổi.

Ở các nước đang phát triển năm 1975 số người có tuổi nông thôn (66.227.000) nhiều hơn ở thành thị (45.751.000) chiếm 73% dân số có tuổi so với 27% ở thành thị. Đến năm 2000 tuy số người có tuổi còn cao hơn ở thành phố (58% so với 42) nhưng khoảng cách đã gần hơn nhiều; số người có tuổi ở thành thị tăng 212,32%, ở nông thôn tăng 202,30% như vậy ở cả nông thôn lẫn thành thị số người có tuổi đều tăng vọt.

Bảng 1 Phân bố theo thành thị và nông thôn: so sánh giữa nước phát triển và nước đang phát triển.

	1975		200	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
A. Nước phát triển				
Người từ 60 tuổi trở lên	109.853.000	58.925.000	75.279.000	57.636.000
Tỷ lệ so với dân số	14.33%	15.96%	16.05%	10.59%
Phân bố theo thành thị nông thôn	65%	35%	75%	25%
B. Nước đang phát triển				
Người từ tuổi 60 trở lên	45.751.000	66.227.000	142.892.000	200.219.000
Tỷ lệ so với dân số	5.84%	6.18%	6.85%	7.42%
Phân bố theo thành thị, nông thôn	27%	73%	42%	58%

Ở các nước phát triển năm 1975 cứ 3 người có tuổi thì 2 người sống ở thành phố. Đến năm 2000 cứ 4 người có tuổi thì 3 sống ở thành phố. Số từ 70 tuổi trở lên tăng nhiều (76%) từ 1975 đến 2000. Điều đó nói lên người già ở thành phố sẽ gặp khó khăn nhiều.

Sự gia tăng của tuổi thọ làm cho tỷ lệ người có tuổi tăng lên trong xã hội. Thông thường thì số lao động (ở tuổi 15 - 59) phải nuôi số trẻ em và số người già. Theo thống kê, năm 1950 số lao động chiếm 56,76% phải nuôi số trẻ em và người có tuổi chiếm 43,24% dân số. Vào năm 2025 số lao động chiếm 62,29% phải nuôi số trẻ em và người có tuổi chiếm 37,71% và có vẻ như vào năm 2025 số người có tuổi tăng 7,12 được bù vào số trẻ em hụt 9,54.

Ở các nước phát triển, số người lao động giảm đi từ 60,85% (1950) chỉ còn 57,16% (năm 2025). Cũng trong thời gian đó số người có tuổi tăng lên nhiều, từ 11,37% lên 22,90% còn số trẻ em giảm từ 27,78% còn 19,94%. Ở các nước đang phát triển, số người có tuổi tăng từ 7,03 lên 11,03%, số trẻ em có giảm từ 38,22% còn 26,07%. Nhưng do số lao động cũng tăng từ 54,73% lên 62,10% cho nên về mặt toàn xã hội vấn đề người có tuổi không đặt ra gay gắt như ở các nước phát triển, tuy với một số đối tượng già có thể khó khăn nhất định. Ở châu Phi và châu Á số người bị lệ thuộc chủ yếu là trẻ em (0-14 tuổi) và người có tuổi (từ 60 tuổi trở lên), còn ở châu Âu chủ yếu là người có tuổi.

Nguồn thu nhập của người có tuổi cũng rất khác nhau tùy theo tổ chức xã hội. Ở Thái Lan 77,9% là do con cái nuôi, ở Đan Mạch thì có 0,2%, ở Mỹ 84,7% do trợ cấp của cộng đồng trong lúc đó ở Thái Lan chỉ có 5,5%. Trong lúc 49,4% ở Mỹ dựa vào nguồn lợi từ đất đai xí nghiệp tư thì ở Ý chỉ có 7,4%. Trong lúc ở Nhật 34,3% sống nhờ vào lương thì ở Ý chỉ có 12,1%.

Trong việc đảm bảo cuộc sống khi đã có tuổi, gia đình đóng một vai trò rất quan trọng. Ở đây cũng có những khác biệt giữa các xã hội khác nhau, nhất là cách sống. Ví dụ: ở Nhật Bản 40,4% người có tuổi ở với con giai đã có vợ thì ở Mỹ có 0,7%; ở Thái Lan 38% ở với con gái đã có chồng thì ở Đan Mạch chỉ có 1%; trong lúc ở Thái Lan chỉ có 4,6% sống một mình thì ở Mỹ là 39,6% và ở Đan Mạch là 44% (bảng 2).

Bảng 2: Người có tuổi sống với gia đình

Hiện sống với ai	Nhật	Thái Lan	Mỹ	Đan Mạch	Ý	%
Vợ hoặc chồng	69,5	49,5	49,0	51,0	56,9	
Nam	90,2	72,7	74,4	69,8	82,1	
Nữ	50,8	31,8	30,3	36,1	39,9	
Con giai đã có vợ	40,4	23,0	0,7	0,8	11,1	
Con gái đã có chồng	10,2	38,0	2,0	1,0	11,0	
Con dâu hay con rể	34,8	37,9	0,8	0,3	21,2	
Con chưa gia đình	16,0	30,8	10,6	5,0	25,4	
Cháu	38,0	68,6	2,3	0,8	16,7	
Sống một mình	6,7	68,6	2,3	0,8	16,7	

Ở bảng 2 chúng ta thấy số phụ nữ góa chồng nhiều hơn số nam góa vợ, 90,2%; 72,7%; 74,4%; 69,8%; 82,1% (tùy từng nước) nam sống với vợ, trong lúc đó chỉ có 50,8%; 31,8%; 30,3%; 36,1%; 39,9% nữ sống với chồng.

Việc chung sống trong gia đình liên quan nhiều đến việc người có tuổi có thích sống với con cháu hay chỉ thích thỉnh thoảng quan hệ thôi. Về phương diện này người ta đã tiến hành thăm dò ở các người có tuổi thuộc nhiều nước và ở đây ý kiến cũng rất khác nhau. Trong lúc ở Nhật 58% muốn sống với con cháu thì ở Mỹ chỉ có 2,7%. Trong lúc ở Đan Mạch 74,5% muốn thỉnh thoảng gặp con cháu để ăn uống trò chuyện-thì ở Thái Lan chỉ có 9,5% muốn như vậy.

Bên cạnh gia đình, vấn đề quan hệ hàng xóm và việc kết bạn cũng đóng góp phần ổn định đời sống khi có tuổi. Nhìn chung những nước ít có quan hệ gia đình thì có quan hệ hàng xóm nhiều. Ví như ở Mỹ chỉ có 7% người có tuổi là không tiếp xúc lần nào với hàng xóm trong tuần thì ở Nhật số đó là 31,5%. Nhưng cũng còn vấn đề truyền thống tập quán: như ở Thái Lan 58,8% tiếp xúc từ 4 lần trong 1 tuần trở lên trong lúc đó ở Nhật chỉ có 27,8%.

Đối với bạn thân, tình hình cũng có phần khác nhau giữa các nước: ở Mỹ 93,3% người có tuổi có bạn thân trong lúc đó ở Thái Lan chỉ có 77,7%. Ở Nhật 54,1% là bạn cùng giới còn ở Mỹ thì có 24,9% trong lúc đó bạn cả hai giới lại cao 67% (so với Nhật 10,8%)

Vấn đề chăm sóc y tế cho người có tuổi yêu cầu rất lớn, một thách thức với mọi nhà nước và chế độ xã hội, vì nói đến tuổi già là nói đến sức khỏe kém, là bệnh tật. Ở Nhật chỉ tiêu y tế năm 1977 cho người già là 8,6 nghìn tỷ yên, năm 1978 là 10,4 nghìn tỷ, năm 1983 là 26 nghìn tỷ. Số người từ 65 tuổi trở lên chỉ chiếm 8,29% dân số nhưng chi phí cho người có tuổi chiếm 25,7% toàn bộ ngân sách của ngành y tế. Mỗi người già cần trung bình 207.400 yên mỗi năm về chi phí y tế. Tỷ lệ người có tuổi đi khám chữa bệnh là 73,80% trong đó một nửa phải khám trên 30 lần; điều này nói lên tính chất mạn tính của các bệnh người già. Yêu cầu nằm bệnh viện ngày càng cao. Năm 1959 chỉ có 5,37% người nằm bệnh viện là trên 65 tuổi. Năm 1977 tỷ lệ đó là 33% và ước tính đến năm 2000 cần phải 1 triệu vạ giường bệnh cho người có tuổi

Việc chăm sóc người có tuổi là một vấn đề toàn xã hội phải lo toan; nhìn về một khía cạnh nào thì đó đúng là một vấn đề thuộc về trách nhiệm và lương tâm. Người ta đã tính, nếu nuôi một người mà người đó bị chết trước 15 tuổi thì xã hội bị lỗ vốn. Nếu người đó sống đến 40 tuổi thì hòa vốn, nếu sống và làm việc đến 65 tuổi thì lãi gấp đôi. Một người đã làm việc 40 năm đáng lẽ phải sống đến 103 tuổi mới hưởng thụ hết phần họ đã đóng góp vào thu nhập

quốc dân. Nhưng do tuổi thọ như thế cũng khá hiếm nên xã hội bao giờ cũng mắc nợ họ (Chinskôi).

Nhưng người có tuổi có thật bao giờ cũng là một gánh nặng cho xã hội không? Không phải như vậy, trong rất nhiều lĩnh vực họ qua là một vốn quý cho nhân loại. Đã từ lâu người ta đã nhận xét là tuy sức lực có giảm sút so với lúc còn trẻ nhưng "sự giảm sút ấy có thể được bù trừ một cách có hiệu quả bằng tài nghệ đã phát triển, bằng trình độ nhận thức cao, bằng nhãn quan rộng, bằng ý thức trách nhiệm với xã hội. Kinh nghiệm và trí tuệ bao giờ cũng là chức năng của thời gian, là ưu thế của tuổi tác (Davidovsky). Nhiều người còn nói thêm: Đây là một dự trữ mệnh mông về năng lực của con người và không một xã hội nào có thể tự cho phép mình để cạn mất nguồn kinh nghiệm, tài trí này trong khi còn biết bao việc phải làm để nâng cao hơn chất lượng sống của kiếp người (Leo Akapno).

Sử sách cũng đã ghi những đóng góp của người cao tuổi. Cuối thế kỷ thứ XI Lý Thường Kiệt đã 85 tuổi còn kiên quyết yêu cầu triều đình được đi đánh giặc chống ngoại xâm. Thật là một hành động phi thường nêu một tấm gương sáng cho biết bao thế hệ tiếp theo (Việt sử Thông giám cương mục). Hội nghị Diên Hồng lịch sử vào năm 1285 khi giặc Nguyên đã tràn vào nước ta, vang lên tiếng thét: "Đánh", "vạn nhân đồng tử như xuất tự nhất khẩu (Đại Việt sử ký toàn thư), nói lên ý chí của các cụ cũng là ý chí của toàn dân và đáng để cho mỗi người Việt Nam mãi mãi tự hào. Trong rất nhiều ví dụ của những người làm khoa học chúng ta có thể nêu lên trường hợp của I. P. Pavlov trong đó những phát minh vĩ đại nhất lại thuộc về thời kỳ như bác học đã có tuổi. Năm 1932 khi đã 83 tuổi, trên cơ sở hơn 60 năm nghiên cứu bền bỉ theo một phương pháp mẫu mực, ông đã đề xướng ra luận điểm nổi tiếng vì là tiền đề của điều khiển học hiện đại: "con người, một hệ thống tự điều hòa, tự duy trì, tự hồi phục, tự tu chỉnh, tự cải tiến, hoàn thiện ở một mức độ cực kỳ tinh vi. Thật là thú vị khi thấy phát minh đó lại là của một người tuổi đã cao. Những ví dụ trên được khoa học ngày nay giải thích một cách rất cụ thể qua đánh giá năng suất lao động. Nếu dùng những chỉ tiêu đánh giá không cần đến trình độ học vấn thì biểu đồ năng suất gồm 3 đoạn. Một đoạn đi lên đến mức tối cao lúc 20 tuổi, một đoạn xuống rất ít từ 20 đến 60 tuổi và một đoạn xuống nhanh từ 60 đến 80 tuổi. Nhưng nếu dùng những chỉ tiêu đánh giá có liên quan đến trình độ học vấn thì biểu đồ năng suất có khác, điểm cao nhất không phải là lúc 20 tuổi mà lùi về lúc 60 tuổi và từ 60 đến 80 tuổi năng suất giảm với tốc độ rất chậm, gần giống như đoạn của biểu đồ thứ nhất. Tuổi trung bình của Viện sĩ Hàn lâm y học Pháp là 60,1 đầu thế kỷ này, nay đã là 75,4. Nhận xét trên càng có ý nghĩa khi ta biết vào thời đại hiện nay, số kiến thức của loài người là khổng lồ và thời gian để hấp thụ những kiến thức đó không có thể ngắn vài năm như trước kia được. Và thật là lãng phí nếu không tạo điều kiện cho những người có kinh nghiệm, có kiến thức và có nhiệt tình đóng góp cho đất nước và không dùng họ chỉ vì họ đã có tuổi, đã già.

Hiện tượng tăng dân số già không phải của riêng một nước nào mà là của chung trên toàn thế giới. Ý thức được tầm quan trọng đó, Liên hợp quốc đã triệu tập Đại hội thế giới về tuổi già lần đầu tiên vào năm 1982 tại Vienne. Đại hội lịch sử này đã trịnh trọng tuyên bố phải đảm bảo đầy đủ, không có một hạn chế nào đối với người có tuổi, mọi quyền cơ bản và không thay đổi, đã được ghi trong Tuyên ngôn về quyền con người". Như vậy, không thể chỉ vì tuổi tác mà người già không được đảm bảo đầy đủ quyền con người. Mới nghe ta tưởng điều đó là dĩ nhiên, không thể khác được. Nhưng thực tế phũ phàng đã cho thấy ở nơi này hay nơi khác lúc này hay lúc khác, dưới những hình thức rất tinh vi, với những lý do có vẻ chính đáng, quyền được sống yên ổn và hạnh phúc của người già không phải luôn luôn được đảm bảo. Đôi lúc người ta có cảm tưởng như có sự đồng lõa của một bộ phận lớn loài người, muốn tách rời người già cả ra khỏi cuộc sống của cộng đồng, muốn để họ sống ngoài lề xã hội. Thật là đáng tiếc hơn nữa khi tình trạng đó xảy ra ở ngay trong gia đình, giữa những người thân cùng máu mủ. Đại hội này cũng "trịnh trọng tuyên bố là song song với việc nâng cao tuổi thọ, phải đảm bảo cho người có tuổi một cuộc sống có chất lượng cao, trong đó mọi người có tuổi đều có quyền và nghĩa vụ phát huy mọi khả năng đóng góp sức mình cho việc xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn". Thật vậy, nâng cao tuổi thọ mà không kèm theo đảm bảo chất lượng sống thì đó là một điều vô nghĩa. Tiếc thay hiện nay không ít người đã đạt được tuổi thọ khá cao nhưng

phải sống trong cảnh cô đơn, thiếu thốn, bệnh tật. Cuộc phấn đấu để đạt được mục đích trên- tuổi thọ cao, chất lượng sống tốt - không hề là một việc dễ dàng, có thể thực hiện được một sớm một chiều. Nhưng điều kiện tiên quyết là phải tạo ra một chuyển biến và nhận thức rằng, chăm sóc người có tuổi là một việc làm vừa thuộc về lương tâm vừa thuộc về trách nhiệm, là nghĩa vụ của một người kể cả bản thân người có tuổi.

Đại hội thế giới về tuổi già là một hiện tượng chưa từng có: lần đầu tiên cả cộng đồng loài người quan tâm đến số phận người già và cùng nhau bàn bạc trên quy mô toàn thế giới về những việc cần làm. Trước mắt đã nhất trí được về một chương trình hành động quốc tế có giá trị trong 50 năm và tập trung vào sáu điểm. Điểm thứ nhất liên quan đến sức khỏe và ăn uống: Nói đến già là nói đến yếu (tuổi già sức yếu), vì vậy nguyện vọng sâu xa nhất của mọi người có tuổi là có được sức khỏe, không phải lệ thuộc. Sức khỏe là lao động sáng tạo, là tình yêu và hạnh phúc. Cả một kế hoạch đã được xây dựng nên nhằm phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng từ khâu tự rèn luyện thân thể đến khâu chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng, phát triển kỹ thuật, phát triển màng lưới bảo vệ sức khỏe, từ cơ sở điều trị đến các cơ sở dưỡng lão. Điểm thứ hai của chương trình đề cập đến vấn đề nhà ở và môi trường: Nhà ở của người có tuổi không thể chỉ là nơi che nắng che mưa mà là một thế giới thu nhỏ lại của họ. Vì môi trường đó phải tạo cho họ cảm giác an toàn, ấm cúng, riêng biệt do có những nhu cầu riêng nhưng gắn bó chặt chẽ với xã hội, thờ cùng nhíp với cộng đồng. Điểm thứ ba của chương trình dành cho vấn đề gia đình: khi xã hội không đủ sức với đến từng người già và lại cũng không làm sao tạo được không khí ấm cúng giữa những người thân thì gia đình đóng một vai trò rất quan trọng. Tạo nên một cuộc sống đầy tình thương trong gia đình là cả một khoa học và một nghệ thuật. Việc giáo dục con cháu quý trọng ông bà cha mẹ già là rất quan trọng, nhất là hiện nay ở các nước không phát triển không thiếu gì những gia đình gồm 3, thậm chí 4 thế hệ. Điểm thứ tư đề cập đến vấn đề bảo trợ xã hội: xu hướng hiện nay là phân biệt ra hai loại người có tuổi để từ đó có biện pháp chăm sóc cho thích hợp, loại còn khả năng lao động và loại không còn khả năng lao động. Đối với loại thứ nhất hướng phấn đấu là bằng mọi cách tìm cho người có tuổi một công việc hợp với sở thích và tình trạng sức khỏe. Chính những công việc như vậy đã đem lại cho họ sức khỏe, nguồn vui. Ngược lại, xã hội cũng được hưởng những kinh nghiệm quý báu mà họ đã tích lũy được trong suốt cuộc đời. Đối với loại thứ hai, cần phải tỏ sự hỗ trợ của xã hội từ thấp đến cao, từ chế độ bảo hiểm đến việc đảm bảo nuôi dưỡng cho đến khi qua đời. Điểm thứ năm của chương trình đề cập đến vấn đề công ăn việc làm cho người có tuổi, trong lĩnh vực này cố gắng tổ chức những cơ quan chuyên trách tìm kiếm công việc phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, khả năng, và sức khỏe của họ. Điều quan trọng là những công việc này phải đem lại cho họ niềm vui, niềm tự hào đã là người có ích cho nhân quần xã hội. Chính cái cảm giác đó đã làm cho họ khỏe mạnh hơn, yêu đời hơn và điều kiện lại trở lại, làm cho họ đóng góp được nhiều hơn cho xã hội. Không gì tệ hại cho người có tuổi bằng sự ngồi không và ý nghĩ rằng mình là gánh nặng cho xã hội. Điểm thứ sáu có nội dung là làm thế nào để không ngừng nâng cao trình độ người có tuổi cũng như giáo dục cho mọi người trong xã hội về những vấn đề liên quan đến người có tuổi. Việc nâng cao trình độ của người có tuổi xuất phát từ nguyên lý "sự hiểu biết làm trẻ lại". Hơn nữa sự hiểu biết làm cho họ theo kịp thời đại, san bằng cái hố ngăn cách giữa các thế hệ. Nhiều hình thức giáo dục theo kiểu "trường đại học của lứa tuổi thứ ba" đã đem lại hiệu quả to lớn, xua tan dần mặc cảm cô đơn sống bên lề xã hội, bên lề thời đại. Việc giáo dục mọi người, nhất là tầng lớp trẻ về những vấn đề có liên quan đến tuổi già góp phần làm các thế hệ khác nhau xích lại gần hơn, đảm bảo sự liên tục và tính kế thừa giữa các thế hệ. Tuổi già là vấn đề liên quan đến tất cả chúng ta và tuổi trẻ ngày hôm nay cũng sẽ là tuổi già mai sau. Xuân bất tận chỉ có trong óc tưởng tượng và khát vọng của một số người. Đó là tóm tắt chương trình 6 điểm của Liên hợp quốc về tuổi già. Mỗi nước tùy hoàn cảnh mà vận dụng cho sát.

Ở nước ta số người có tuổi ngày càng tăng, tuổi thọ trung bình ngày càng cao. Theo điều tra dân số năm 1989 số người có tuổi (từ 60 trở lên) là 4.632.490 chiếm 7,19% dân số, so với dân số điều tra năm 1979 là 3.728.110 người có tuổi (7,06% dân số). Trong số người có tuổi thì nữ

đông hơn nam. Trên 4.632.490 người có tuổi, nam chiếm 41,60% và nữ 58,31%. Trong số 31.336.568 nam của cả nước thì người có tuổi (1.931.281) chiếm tỷ lệ 6,162%. Trong số 33.075.145 nữ của cả nước thì người có tuổi (2.701.209) chiếm tỷ lệ 8,16%. Tuổi thọ trung bình trước năm 1945 là 32, đến năm 1979 là 66 trong đó tuổi thọ trung bình của nam là 63,6; của nữ là 67,8. Số người 100 tuổi trở lên là 2.732 (năm 1979) và 2.432 (năm 1989) trong đó nam là 704, nữ là 2.728 (năm 1989).

Sức khỏe người có tuổi tuy có khá hơn trước 1945 nhưng vẫn còn vào loại kém. Kiểm tra sức khỏe người có tuổi năm 1979 thấy loại tốt là 0,75% loại vừa 36,52%; loại kém 62,7%. Kiểm tra sức khỏe người có tuổi mười năm sau (năm 1989) loại tốt là 3,7%; loại vừa 66,1%; loại kém 30,1%.

Bên cạnh việc thực hiện chương trình quốc tế về tuổi già do Liên hợp quốc đề ra, chúng ta sẽ tận dụng truyền thống tốt đẹp sẵn có của dân tộc ta, từ lâu đời đã biết kính trọng người có tuổi. Đối với người già nói chung thì: "Kính lão đắc thọ"; "Kính già già để tuổi cho"; "Yêu trẻ, trẻ đến nhà, yêu già già để phúc"; "Muốn may thì phải có kim, muốn hay thì phải đi tìm người xưa". Đối với bố mẹ già, con cháu dành những tình cảm tha thiết như: "Cây khô chưa dễ mọc chồi, bác mẹ chưa dễ ở đời với ta, non xanh bao tuổi mà già, bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu"; "Mẹ già ở túp lều tranh, sớm thăm tối viếng mới đành dạ con"; "Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời, cầu cho cha mẹ sống đời với con". Tấm lòng kính trọng hiếu thảo đối với cha mẹ cũng đã chuyển thành lòng tôn kính đối với ông thầy: "Giờm vàng rơi xuống Hồ Tây, ông cha cũng trọng nghĩa thầy cũng sâu".

Truyền thống dân tộc chúng ta tốt đẹp là như vậy. Kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống đó với những thành tựu to lớn của khoa học hiện đại - khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - hòa nhịp với toàn thể nhân loại ngày nay trong chương trình hành động quốc tế vì người có tuổi do Liên hợp quốc đề xướng, chúng ta có đầy đủ cơ sở để hy vọng chăm sóc người có tuổi đáng kính trọng của chúng ta ngày một tốt hơn, xứng đáng với sự đóng góp của họ cho xã hội, cho đất nước, đáp ứng sự mong đợi của toàn dân.



Toạ đàm về đề tài "Người già và hệ thống an sinh xã hội" với Giáo sư Tomita Teruski ở trường Đại học Nihon. Nhật Bản trong chuyến thăm và làm việc của ông tại Viện Xã hội học